

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm): *Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa*

1. Đọc hiểu (Tiểu thuyết hiện đại /hậu hiện đại)

a) Nhận biết

- Nhận biết được nhân vật người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn trong tiểu thuyết (hiện đại hoặc hậu hiện đại).
- Nhận biết được một số yếu tố của tiểu thuyết (hiện đại hoặc hậu hiện đại) như: diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật.
- Nhận biết được đề tài, đặc điểm ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật của tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại.
- Nhận biết được các dấu hiệu hiện đại hoặc hậu hiện đại trong tiểu thuyết và truyện ngắn.

b) Thông hiểu

- Tóm tắt được cốt truyện.
- Phân tích được những đặc điểm của nhân vật tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại.
- Lí giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.
- Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong tác phẩm; phân tích được tác dụng của những yếu tố hậu hiện đại (nếu có) trong tác phẩm.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được sự phù hợp giữa người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm.
- Phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong văn bản.
- Hiểu và lí giải được một số đặc điểm cơ bản của phong cách văn học (nếu có) thể hiện trong tác phẩm.

c) Vận dụng

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản tiểu thuyết (hiện đại / hậu hiện đại), thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm.

2. Thơ trữ tình hiện đại

a) Nhận biết

- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ.
- Nhận biết được đề tài, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật trong thơ hiện đại.
- Nhận biết được những hình ảnh tiêu biểu, trung tâm của bài thơ.

- Nhận biết được các biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong văn bản thơ.

b) Thông hiểu

- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ.
- Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
- Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng đặc biệt là các yếu tố tượng trưng, siêu thực (nếu có) trong bài thơ.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong bài thơ.

c) Vận dụng

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ trong bài thơ.

II. VIẾT (4,0 điểm) Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/ tác phẩm văn học.

1. Nhận biết

- Giới thiệu được ngắn gọn, đầy đủ về hai đoạn trích/ tác phẩm văn học.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.
- Sử dụng các thao tác lập luận chính gồm so sánh, đánh giá trong bài viết.

2. Thông hiểu

- Lựa chọn được những cơ sở, căn cứ hợp lí, khoa học để so sánh.
- Phân tích, chỉ ra được điểm giống và khác nhau giữa hai đoạn trích/ tác phẩm văn học.
- Lí giải được lí do dẫn tới sự giống và khác nhau giữa hai đoạn trích/ tác phẩm văn học.

3. Vận dụng

Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của sự giống và khác nhau giữa hai văn bản theo quan điểm riêng của cá nhân.

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

1. Hình thức ra đề: 100% tự luận

2. Cấu trúc đề

- **Đọc hiểu (6,0 điểm):** Cho một ngữ liệu và trả lời các câu hỏi ở mức độ như phần I
- **Viết (4,0 điểm):** Viết văn bản nghị luận theo các mức độ như Phần II

IV. Ma trận

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức	Câu hỏi	Mức độ đánh giá (%)			Tổng % điểm
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	

1	Đọc – hiểu	Tiểu thuyết hiện đại/hậu hiện đại	Câu 1	10%			60
			Câu 2	10%			
			Câu 3	10%			
			Câu 4		10%		
			Câu 5		10%		
			Câu 6			10%	
2	Viết	Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/ tác phẩm văn học	Bài văn NLVH	5%	15%	20%	40
Tổng				35%	35%	30%	100
Tỉ lệ chung				70%		30%	100

ĐỀ MINH HOẠ 1

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG NGÔ QUYỀN**

**ĐỀ MINH HOẠ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 -2026
Môn: NGŨ VĂN 12
Thời gian làm bài: 90 phút**

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:

Mờ sáng hôm sau, tôi còn đang ngủ trong mui bồng nghe thằng Cò gọi giật tôi dậy:

- Mau ra coi, An ơi! Gần tới sân chim rồi. Đã sáng bét mà mày còn ngủ à?

Tôi giụi mắt bò ra khoang trước, vốc nước dưới sông lên rửa mặt. Trên vệt rừng đen ở chỗ con sông ngoặt như lưỡi cưa cá mập chom chồm dựng đầu răng nhọn đã ứng lên màu mây hồng phơn phớt. Từ chỗ vệt rừng đen xa tít đó, chim cất cánh tua tủa bay lên, giống hệt đàn kiến từ lòng quả đất chui ra, bò li ti đen ngòm lên da trời. Càng đến gần, khi bóng chim chưa hiện rõ hình đôi cánh, thì quang cảnh đàn chim bay lên giống như đám gió bốc tro tiền, tàn bay liên tri hô điệp. Những bầy chim đen bay kín trời, vượn cổ dài như tàu bay cổ ngỗng lướt qua trên sông, cuốn theo sau những luồng gió vút cứ làm tai tôi rối lên, hoa cả mắt. Mỗi lúc tôi càng nghe rõ tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng. Và gió đưa đến một mùi tanh lợm giọng, khiến tôi chỉ chực nôn ọe. Chim đậu chen nhau trắng xóa trên những đầu cây mắm, cây chà là, cây vẹt rụng trụi gần hết lá. Cồng cộc đứng trong tổ vượn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vượn tay múa. Chim già đầy, đầu hói như những ông thầy tu mặc áo xám, trầm tư rút cổ nhìn xuống chân. Nhiều con chim rất lạ, to như con ngỗng đậu đến quần nhánh cây. Một con điêng điếng ngóc cổ lên mặt nước, thoạt trông tôi tưởng là một con rắn từ dưới nước cất đầu lên. Khi thuyền chúng tôi chèo đến gần, nó bèn ngụp xuống lặn mất. Chốc sau đã lại thấy nó nổi lên gần bờ, mỏ ngậm con tôm xanh gần bằng cổ tay còn đang vùng râu cựa quậy. Tôi mê quá! Mà thằng Cò cũng mê như tôi. Hai đứa cùng ước: phải chi mình được dừng thuyền lại đây vài hôm để bắt chim thì phải biết! Chim từ những đâu tập trung về ở đây, nhiều không thể nói được! ở đây, còn có rất nhiều giống chim lạ, không thấy bầy bán ở chợ Mặt

Trời. Chúng đậu thấp lắm, đứng dưới gốc cây có thể thò tay lên tổ nhặt trứng một cách dễ dàng. Tôi chồm người ra be thuyền, kêu to:

- Dừng lại đây bắt một mớ chim đi, tí!

- Sân chim có chủ, không bắt của người ta được đâu! -Tía nuôi tôi bảo.

- Bộ họ nuôi nó sao? Chim trời cá nước, ai bắt được nấy ăn chứ!

- Đúng là không ai nuôi. Nhưng chim về ở trên vùng đất của ai thì nó thuộc về tài sản của người đó. Họ phải đóng thuế hằng năm như đóng thuế ruộng đấy, con ạ. Thấp thoáng trong xa, bốn năm người quảy giỏ, cầm sào trúc có ngoéo sắt đang ngoéo cổ chim non xuống bắt. Coi bộ dễ hơn bắt gà nhót trong chuồng. Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe nhau được nữa. Thuyền chúng tôi chèo đi hơn ba nghìn thước rồi mà hãy còn thấy chim đậu trắng xóa trên những cành cây giơ sát ra sông.

(Trích *Sân chim*, Đất rừng phương Nam, Đoàn Giỏi, NXB Văn học, 2013, tr.252-254)

Câu 1. Xác định ngôi kể trong đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra điều ước của nhân vật "tôi" và thằng Cò trong đoạn trích.

Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong câu văn: *Cồng cộc đứng trong tổ vươn cánh như tượng những người vũ nữ bằng đồng đen đang vươn tay múa.*

Câu 4. Nêu thông điệp chính của đoạn trích.

Câu 5. Từ cảm nhận của nhân vật "tôi" về bức tranh sân chim, anh/chị hãy nhận xét về đặc điểm của ngôn ngữ được tác giả sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 6. Trình bày trong khoảng 5 – 7 dòng bài học cuộc sống mà anh/chị rút ra từ đoạn trích.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Đọc hai đoạn văn dưới đây.

(1) Hấn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hấn chửi. Bắt đầu hấn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hấn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hấn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “ Chắc nó trừ mình ra!”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ồ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hấn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hấn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hấn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hấn cho hấn khổ đến nông nổi này? A ha! Phải đấy hấn cứ thế mà chửi, hấn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hấn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo! Hấn nghiêng răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có mà trời biết! Hấn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...

(Trích *Chí Phèo* – Nam Cao¹)

(2) Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lí Pá Tra thường trông thấy một cô gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi công nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta nói: Nhà Pá Tra làm thống lí, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem

¹ Nam Cao (tên thật Trần Hữu Tri, 1915-1951) là một nhà văn hiện thực lớn của Việt Nam, ông nổi tiếng với những đóng góp quan trọng cho văn học hiện thực phê phán và đặc biệt là chủ nghĩa hiện thực tâm lí với các tác phẩm như *Chí Phèo*, *Sống mòn*, *Lão Hạc*. Ngoài sự nghiệp văn chương ông còn là một chiến sĩ cách mạng và nhà báo trong thời kì kháng chiến.

cái khổ mà biết khổ, mà buồn. Nhưng rồi hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái Thống Lí: Cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lý Pá Tra.

(Trích *Vợ chồng A Phủ*- Tô Hoài²)

Hãy viết một bài văn nghị luận khoảng (600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh, chị về hai đoạn văn trên.

*Tóm lược truyện *Vợ Chồng A Phủ*: *Vợ chồng A Phủ* kể về cuộc đời bi kịch của Mị và A Phủ, hai người dân tộc Mông bị áp bức bởi nhà thống lý Pá Tra ở Hồng Ngài. Mị bị bắt làm dâu trù nọ, còn A Phủ trở thành đầy tớ sau khi đánh A Sử. Hai người cùng nhau trốn thoát khi Mị giải cứu A Phủ khỏi cảnh bị trói và bỏ đói, sau đó đến Phiêng Sa, kết hôn, và tham gia cách mạng.

*Tóm lược truyện *Chí Phèo*: *Chí Phèo* kể về Chí Phèo, một đứa trẻ bị bỏ rơi, lớn lên tha hóa thành kẻ lưu manh chuyên rạch mặt ăn vạ dưới sự lợi dụng của Bá Kiến. Mối tình với Thị Nở đã nhen nhóm lại khát vọng lương thiện trong Chí, nhưng bị kịch ập đến khi anh bị xã hội ruồng bỏ, khiến Chí Phèo quay lại hành động liều lĩnh: đâm chết Bá Kiến và tự sát.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

ĐỀ MINH HOA 2

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ
THÔNG NGÔ QUYỀN**

**ĐỀ MINH HOẠ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 -2026
Môn: NGỮ VĂN 12**

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

I. ĐỌC HIỂU (6 điểm)

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi sau:

TẮT ĐÈN

Ngô Tất Tố³

(**Tóm tắt tiểu thuyết *Tắt đèn***: Tác phẩm kể về cuộc đời của chị Dậu. Vợ chồng chị Dậu đã cố gắng tiết kiệm nhưng vẫn phải chi quá nhiều tiền cho đám ma của mẹ chồng và em trai. Không lâu sau, anh Dậu liền mắc bệnh sốt rét, không làm được gì nên gánh nặng của mấy

² Tô Hoài (tên khai sinh Nguyễn Sen, 1920-2014), Tô Hoài nổi tiếng với sự nghiệp đồ sộ và đa dạng, được trao giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật 1996. Ông là Tổng Thư kí đầu tiên của Hội Nhà văn Việt Nam. Phong cách kể chuyện của ông hóm hỉnh, sinh động và đầy sức gợi. Các sáng tác tiêu biểu của ông: *Đế Mèn phiêu lưu kí, O chuột, Truyện tây Bắc...*

³ Ngô Tất Tố (1893-1954): là nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về đề tài nông dân và nông thôn trước Cách mạng. Ngòi bút của ông hướng tới khám phá và phát hiện ở nhân dân lao động những đức tính tốt đẹp.

miệng ăn đồ dồn lên vai chị Dậu. Mùa sưu đến, chị Dậu phải chạy vạy khắp nơi để nộp tiền cho chồng. Anh Dậu dù ốm thập tử nhất sinh vẫn bị bọn Cai lệ cùm kẹp lôi ra đình làng giam giữ. Bọn chúng còn bắt chị Dậu nộp cả tiền sưu cho người em trai đã mất. Cay đắng thay, chị phải bán đi cái Tí – đứa con gái ngoan ngoãn mới 7 tuổi chị dứt ruột đẻ ra mà vẫn không đủ tiền nộp sưu. Câu chuyện về chị Dậu cho thấy cuộc sống nghèo khổ, cùng cực của người nông dân bị dồn vào bước đường cùng trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX dưới ách đô hộ của thực dân Pháp.)

Tiểu thuyết *Tắt đèn* in trên báo *Việt nữ* năm 1937, gồm XXVII chương, đoạn trích sau đây thuộc chương III và IV của tác phẩm):

Chồng chị - anh Nguyễn Văn Dậu – tuy mới hai mươi sáu tuổi nhưng đã học nghề làm ruộng đến mười bảy năm.

Với cái sức khoẻ mạnh, với cái tính nhanh nhẩu, với cái đức chịu thương chịu khó trong nghề cày thuê cuốc mướn, những năm son rồi, vợ chồng nhà anh vẫn chưa kiếm được thừa ăn. Mấy năm gần đây, phần vì thóc cao, gạo kém, phần thì con đẻ ra thêm, vợ bận mọn⁴ luôn, sự tiêu dùng của anh mới không được dồi dào như trước, vắt mũi chỉ đủ dứt miệng mà thôi.

Rồi tháng tám năm ngoái, mẹ anh bị bệnh qua đời. Lại tháng giêng năm nay, thằng em trai anh cũng vì phải gió mà chết. Dầu anh vẫn hết sức tần tặn, hai cái ma ấy vẫn cứ lôi kéo đi mất của anh hai món lệ làng⁵ hết đúng sáu đồng, và hai cỗ quan tài hết gần tám đồng. Nhà không có, anh phải quanh co tân tảo cho có. Hai cái dóp⁶ ấy cũng đủ đưa anh lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh⁷ rồi. Hơn nữa, tháng ba đến giờ, thần bệnh sốt rét ở đâu tiến đến, nó bắt anh cứ phải nghỉ việc nằm nhà. Thế là gần ba tháng trời, những sự đóng góp chi tiêu của một gia đình năm miệng ăn, hết thảy trông vào hai bàn tay của người đàn bà con mọn.

[...]

Ngoài đường có tiếng chó sủa xô xát. Rồi tiếng roi quật vào vách đèn đẹt. Rồi tiếng người hỏi dữ dội:

- Đĩ Dậu⁸ có nhà đấy không?

Chị Dậu lật dật bồng con bé con ra cổng đuổi chó. Anh Dậu cũng ngồi nhồm dậy và ngó ra sân.

Người nhà Lý trưởng nghiêng ngang múa chiếc tay thước với sợi dây thừng, đưa ông Cai lệ và cây roi song hùng dũng bước vào trong cổng. Hai người cùng ra oai rộ⁹ con chó cái và cùng nháy xỏ lên thêm. Phủ đầu, ông Cai lệ chỉ cây roi vào mặt anh Dậu và quát:

- Sưu đâu? Sao không đem nộp? Người ta vào hỏi, vẫn còn ngồi ỳ ra đó!

Anh Dậu lẩy bẩy đứng dậy. Cái mặt xanh xao khi ấy đã đổi ra sắc mặt tái mét. Run run, anh sẽ giơ tay gãi tai:

- Thưa ông, tôi chưa có.

⁴ Bận mọn: bận bịu vì con còn nhỏ.

⁵ Lệ làng: tục lệ do làng đặt, đề ra.

⁶ Dóp: lúc không may mắn gặp điều xấu.

⁷ Cùng đinh: ý nói người nghèo hèn trong làng.

⁸ Đĩ (phụ nữ, khẩu ngữ): từ dùng để gọi thân mật người nông dân có con gái đầu lòng còn bé.

⁹ Rộ: đoạ nạt, làm cho sợ hãi.

Ông Cai lệ thị hùng¹⁰ bằng hai con mắt giương tròn:

- Cả năm chỉ có hai đồng bảy hào tiền sưu, bây giờ vẫn chưa có, anh định bao giờ mới có? Với dáng điệu có vẻ van lơn, anh Dậu hỗn hển đáp:

- Thưa ông, vì tôi đau yếu, nên chưa lo kịp, xin ông thư cho đến mai. Thuế còn năm bữa nữa mới phải dâng trường⁹ kia mà!

À! Thế còn năm hôm nữa mới phải dâng trường¹¹ cho nên anh không nộp vội, phải không?

Hỏi vậy, nhưng ông Cai lệ không để cho kẻ bị hỏi được có thời gian phân trần. Nhanh như cắt, ông chuyển phắt cây roi song sang tay trái và nắm chặt năm ngón tay phải, đưa luôn vào ngực anh Dậu một mớ quả thui. Cái thui chuyên môn của người cửa công khác hẳn thứ thui phổ thông của thường dân. Anh Dậu chỉ ứ ứ mấy tiếng, chứ không thể kêu lên được.

(Trích *Tuyển tập Ngô Tất Tố*, NXB Văn học, 2023, tr. 30-38)

Câu 1. Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể chuyện thứ mấy?

Câu 2. Cho biết đề tài của đoạn trích trên là gì?

Câu 3. Việc lựa chọn điểm nhìn có tác dụng gì trong việc chuyển tải nội dung của đoạn trích trên?

Câu 4. Việc xây dựng nhân vật anh Dậu trong đoạn trích giúp tác giả thể hiện phong cách hiện thực của mình như thế nào?

Câu 5. Phân tích tác dụng của chi tiết “Cái thui chuyên môn của người cửa công khác hẳn thứ thui phổ thông của thường dân”.

Câu 6. Suy nghĩ của anh/chị về thông điệp mà tác giả đặt ra trong đoạn trích.

II.VIẾT (4.0 điểm) (Trong tiểu thuyết *Ngày mới*¹² (1939), Thạch Lam¹³ viết về nhân vật Trường như sau:

Ngon đèn điện lờ mờ chiếu ra một vùng ánh sáng màu vàng yếu ớt; bóng tối và sự tịch mịch bao bọc lấy Trường khiến chàng có cái cảm giác cách biệt hẳn những chỗ rực rỡ và sang trọng khác ở Hà thành. Về tối tàn và tiêu tụy của những căn nhà trong ngõ hôm nay chàng chú ý đến hơn; chàng nghĩ đến những gia đình cũng nghèo nàn như gia đình chàng, những gia đình thợ thuyền hay buôn bán nhỏ mà chàng thấy sống chen chúc trong những buồng tối tăm và chật hẹp. [...] Cuộc đời của những người ấy hiện hiện ra trước mắt Trường, với những thiếu thốn, những nỗi khó khăn và vất vả của họ. Trường tự hỏi không biết những người đó có lúc nào được sung sướng không: họ có bao giờ quên cái nghèo của họ, có lúc nào được hưởng một chút vui vẻ, một chút hạnh phúc trong suốt đời người không? Trường thấy một nỗi buồn nản nặng nề đè nén trong tâm hồn; chung quanh mình, chàng chỉ thấy cái

¹⁰ Thị hùng: cây có sức mạnh và quyền thế mà bắt nạt người khác.

¹¹ Dâng trường: đưa nộp lên quan trên.

¹² *Ngày mới*: là một trong những tiểu thuyết nổi bật của Thạch Lam. Truyện kể về nhân vật chính là Trường, một chàng trai nghèo vừa thi đỗ bằng thành chung. Trường từ chối sự sắp đặt hôn nhân của mẹ để kết hôn với Trinh – người con gái anh yêu. Tuy nhiên, Trường không ngờ cuộc sống sau hôn nhân đã đẩy anh vào nhiều áp lực. Tiểu thuyết gồm có XII chương, đoạn trích thuộc chương VII của tiểu thuyết.

¹³ Thạch Lam (1910-1942): là nhà văn thuộc nhóm Tự Lực văn đoàn. Sáng tác của ông thường hướng vào cuộc sống cơ cực của những người dân thành thị nghèo và vẻ đẹp nên thơ của cuộc sống thường nhật.

nghèo, cái nghèo rộng rãi và mệnh mông như nước thủy triều lôi cuốn bao nhiêu cuộc đời vào cái dòng chảy mạnh mẽ.

(Trích *Tuyển tập Thạch Lam*, NXB Văn học, 2023, tr. 371-372)

Từ nội dung Đọc hiểu, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai nhân vật anh Dậu trong đoạn trích *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố và nhân vật Trường trong đoạn trích trên.

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

